

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33A/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2017

V/v ly hôn giữa chị L và anh L1

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. **Ông Phạm Đức Toàn** - Phó trưởng ban pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố Thái Bình.

2. **Ông Hoàng Văn Đức** - Trưởng khoa y tế công cộng Trung tâm y tế thành phố Thái Bình.

**- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Khánh.**

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương* - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1981; *(Có mặt)*

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 01, ngõ 235, đường L, tổ 06, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Xóm 08, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

**- Bị đơn:** Anh Vũ Thế L1, sinh năm 1973; *(Có mặt)*

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà 01, ngõ 235, đường L, tổ 06, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh L đề ngày 16 tháng 6 năm 2017 (bút lục số 01, 02); Tại bản tự khai của Phạm Thị Thanh L đề ngày 26

tháng 7 năm 2017 (bút lục số 22, 23); tại bản tự khai của anh Vũ Thế L1 đề ngày 15/8/2017 (Bút lục số 40), tại bản tự khai của con Vũ Thanh L2 đề ngày 03/8/2017 và 09/8/2017, bản tự khai của con Vũ Hải Y đề ngày 03/8/2017 và ngày 08/8/2017. Tại biên bản hòa giải đề ngày 15 tháng 8 năm 2017 (bút lục số 44 - 46) và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L trình bày tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/3/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L 1 nghiện ma túy, sử dụng bằng hành vi chích. Chị L đã nhiều lần khuyên ngăn anh L1 từ bỏ ma túy, đưa anh L1 đi cai nghiện tại các trung tâm cai nghiện nhưng khi về thành phố T, anh L1 lại tiếp tục tái nghiện. Đến khoảng năm 2005, anh L1 bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản. Sau khi chấp hành án trở về, chị L xin cho anh L1 đi làm ở một công ty may nhưng được một thời gian thì anh lại bị đuổi việc. Ngoài việc nghiện ma túy, anh L1 không quan tâm đến vợ con. Anh L1 thường xuyên chửi, xúc phạm và đánh đập chị L. Tháng 02 năm 2017, anh L1 gọi điện về cho bố đẻ chị L, nói năng xúc phạm gia đình chị L. Bên cạnh đó, anh L1 cũng không tu chí làm ăn, một buổi làm hai buổi nghỉ. Vì vậy, chị L và anh L1 đã ly thân từ tháng 4 năm 2017 đến nay.

Bản thân chị L xác định không còn tình cảm gì với anh L1 nên không thể sống chung với anh L1 được, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình giải quyết cho chị L được ly hôn anh L1.

Về quan hệ con chung: Anh L1, chị L sinh được 02 con chung. Con thứ nhất tên là Vũ Hải Y, sinh ngày 31/01/2001, con thứ hai tên là Vũ Thanh L2, sinh ngày 17/12/2002. Hiện tại hai con đang ở với anh L1 và mẹ đẻ anh L1 tại số nhà 01, ngõ 235, đường L, tổ 06, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Trước đây, khi các con còn nhỏ, chị L đi làm ăn xa thì mẹ đẻ anh L1 (bà Trần Thị H) là người đưa đón các con đi học. Hiện nay các con đã lớn, tự đi học.

Ly hôn, chị L nhường quyền nuôi hai con cho anh L1 vì hiện tại chị không có chỗ ở ổn định, nếu nuôi các con sẽ không đảm bảo cho cuộc sống và việc học hành của hai con. Chị L sẽ cấp dưỡng 01 triệu đồng/con/tháng. Tính từ tháng 8/2017, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hiện tại chị L không có thai.

Trong trường hợp anh L1 không nhận nuôi 02 con thì chị đề nghị Tòa án cho chị L được nuôi 02 con. Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con cùng chị L hàng tháng.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Sau khi kết hôn, vợ chồng ở cùng với gia đình mẹ đẻ anh L1 tại số nhà 01, ngõ 235, đường L, tổ 06, phường K, thành phố

T, tỉnh Thái Bình. Trong thời gian chung sống, anh L1 chị L có tôn tạo, sửa chữa nhà trên đất của nhà anh L1 nhưng chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L1, chị L không có tài sản gì chung, không có tài sản gì cho ai vay và không vay mượn tài sản của ai nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai của anh Vũ Thế L1 đề ngày 15 tháng 8 năm 2017 (bút lục số 39, 40); Tại biên bản hòa giải đề ngày 15 tháng 8 năm 2017 (bút lục số 44 – 46) và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Vũ Thế L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L1 và chị L tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/3/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy rằng có những lúc vợ chồng va chạm nhưng đều là va chạm nhỏ, vợ chồng lại làm lành. Anh L1 thừa nhận trước đây có chơi bời, sử dụng ma túy nhưng vợ chồng anh chị vẫn sống vui vẻ, hạnh phúc. Mâu thuẫn đỉnh điểm xảy ra vào khoảng đầu năm 2017, anh L1 có đến quán cafe nơi chị L bán hàng cùng em gái anh L1 thì thấy chị L đang ngồi chơi với một số người con trai. Sau đó, anh L1 đi làm và khi quay lại thì chị L không ở quán nữa. Anh L1 có gọi điện thì chị L bảo đi chơi, ăn lẩu ở xa, ở đâu anh L1 không rõ. Khi chị L về, anh L1 nói chị L *“đi đâu phải hỏi chồng, không phải ai rủ đi cũng đi được”* nhưng chị L giận anh và bỏ đi khỏi nhà, đi chơi ở đâu, với ai anh L1 không rõ. Anh L1 nghe họ hàng kể chị L đi miền Nam. Sau đó anh L1 có liên lạc với chị L thì chị L nói là đi Bình Dương chơi.

Hàng ngày, Anh L1 cũng rất quan tâm, chăm sóc vợ con. thỉnh thoảng anh L1 còn mua cơm, thức ăn mang đến quán cafe chị L làm để hai vợ chồng ăn cơm với nhau buổi trưa. Hàng ngày anh L1 vẫn đi làm xe ôm bình thường, và cuối ngày đều đưa tiền cho chị L để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Trước đây, hàng ngày anh L1 đưa chị L 300.000 đồng – 500.000 đồng, thỉnh thoảng anh L1 đưa chị L 700.000 đồng. Gần đây, anh L1 chỉ đưa được cho chị L khoảng 100.000 đồng – 150.000 đồng do cấm xe khách ngoại tỉnh đi vào đường nội tỉnh nên ảnh hưởng đến lượng khách của anh L1, dẫn đến thu nhập không còn được như trước nữa.

Anh L1 cho rằng chị L trình bày anh chị ly thân từ tháng 4 năm 2017 đến nay là không chính xác. Hai vợ chồng vẫn sinh hoạt, ăn ở bình thường với nhau, anh L1 vẫn động viên chị L về nhà làm ăn. Anh chị mới chấm dứt quan hệ sinh lý khoảng 02 tháng nay.

Anh L1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, những mâu thuẫn giữa vợ chồng hoàn toàn có thể hàn gắn được, việc ghen tuông đều là do yêu nhau mà ra. Anh L1 chỉ trách chị L là đi chơi không hỏi anh, anh L1 cũng không thích chị L ăn mặc váy đầm, váy ngắn khi đi làm, chỉ thích chị L ăn mặc giản dị. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh L1, anh L1 không đồng ý, cho rằng lý do chị L xin ly hôn

anh là do thu nhập của anh thấp đi, chị L lại nghĩ anh L1 quay lại sử dụng ma túy. Anh L1 cam kết đã bỏ hẳn, không sử dụng ma túy từ năm 2013, anh cũng không còn đi chơi đêm nữa. Nay tại phiên tòa chị L vẫn cương quyết xin ly hôn anh cũng đề nghị tòa án giải quyết cho anh được thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Tại phiên tòa anh xin được nuôi cả hai con vì hai con đang ổn định học hành và anh đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con cùng anh là 2.000.000 đồng/1 tháng tính từ tháng 8/2017 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh L1 trình bày anh chị không có tài sản gì chung, không có tài sản gì cho ai vay và không vay mượn tài sản của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Tại Bản tự khai của cháu Vũ Hải Y và cháu Vũ Thanh L2 đề ngày 03/8/2017 (bút lục số 26, 27, 37, 38), cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 31/01/2001 và cháu Vũ Thanh L2, sinh ngày 17/12/2002, là hai con chung của chị L, anh L1 cho biết: Nếu anh L1, chị L ly hôn thì nguyện vọng của hai cháu là muốn ở với chị L do chị L là người quan tâm chăm sóc hai cháu, anh L1 không quan tâm gì đến hai cháu. Tuy nhiên, đến ngày 08/8/2017, cháu Vũ Hải Y và cháu Vũ Thanh L2 thay đổi lời khai, đề nghị Tòa án xem xét cho hai cháu được ở với anh L1 vì ở với anh L1 thì các cháu mới có nơi cư trú, học hành ổn định.

- Tại biên bản xác minh với đại diện chính quyền địa phương vào ngày 08/8/2017 (bút lục số 33, 34), đại diện chính quyền địa phương cung cấp:

Anh L1 và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhà mẹ đẻ của anh L1 tại số nhà 01, ngõ 235, đường L, tổ 06, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Mâu thuẫn của anh L1, chị L do anh L1 có sử dụng ma túy từ nhiều năm nay. Anh L1 đã đi cai nghiện và cùng chị L đi Malaysia làm ăn nhưng anh L1 làm được vài tháng thì bỏ về Việt Nam. Nguyên nhân vì sau anh L1 bỏ về thì chị Vân không rõ. Năm 2015, chị L về Việt Nam, anh L1 làm nghề lái xe ôm. Đầu năm 2017, chị L đi bán café cùng em gái anh L1. Anh L1 có ghen, chửi, xúc phạm chị L. Còn việc mâu thuẫn giữa anh L1, chị L cụ thể như thế nào thì địa phương không rõ.

Về quan hệ con chung: Anh L1, chị L sinh được 02 con chung. Con thứ nhất tên là Vũ Hải Y, sinh ngày 31/01/2001, con thứ hai tên là Vũ Thanh L2, sinh ngày 17/12/2002. Hiện tại hai con đang ở với anh L1 và mẹ đẻ anh L1 tại số nhà 01, ngõ 235, đường L, tổ 06, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Theo chị L được biết, chị L rất quan tâm đến hai con. Việc chị L đi xuất khẩu lao động là để cải thiện về mặt kinh tế, có tiền nuôi hai cháu. Chị L cũng thường xuyên gửi tiền về Việt Nam để nuôi các cháu, còn anh L1 không quan tâm gì đến hai cháu. Việc chăm sóc hai cháu chủ yếu là do mẹ đẻ anh L1 chăm sóc. Khi giải quyết vấn đề con chung, đề nghị Tòa án lưu ý. Hiện mẹ đẻ của anh L1 có

lương hưu khoảng 3.000.000 đồng/tháng nên bà cũng có điều kiện để phụ giúp nuôi các cháu.

Về quan hệ tài sản và nợ chung địa phương không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh L và anh Vũ Thế L1 tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 3 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (*Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01*) là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, việc anh chị xảy ra mâu thuẫn là có thật, đã được chính quyền địa phương xác nhận. Anh chị cũng đã ly thân nhau từ tháng 04 năm 2017 đến nay. Vì vậy, xét tình trạng hôn nhân, xét yêu cầu xin ly hôn cho thấy chị L và anh L1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho anh chị. Do đó, áp dụng các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị Thanh L được ly hôn anh Vũ Thế L1 là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Hiện hai con chung của chị L và anh L1 là cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 31/01/2001 và cháu Vũ Thanh L2, sinh ngày 17/12/2002 đang sống cùng mẹ đẻ anh L1 tại số nhà 01, ngõ 235, đường L, tổ 06, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Xét nguyện vọng của hai cháu, cũng để đảm bảo quyền lợi, tạo điều kiện phát triển về mọi mặt cho hai cháu Vũ Hải Y và Vũ Thanh L2, áp dụng các điều 81, 82, 83 và điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao hai cháu Vũ Hải Y và Vũ Thanh L2 cho anh L1 trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4] Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng 01 triệu đồng/con/tháng, hai con là 02 triệu đồng/tháng, tính từ tháng 8/2017 cho đến khi từng con đủ 18 tuổi.

[5] Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị L, anh L1 có quyền thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[6] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị Thanh L và anh Vũ Thế L1 không có tài sản chung, không vay mượn tài sản gì của ai và cũng không

cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị ở cùng với gia đình mẹ đẻ anh L1 tại số nhà 01, ngõ 235, đường L, tổ 06, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Trong thời gian chung sống, anh L1 chị L có tôn tạo, sửa chữa nhà trên đất của nhà anh L1 nhưng chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Chị Phạm Thị Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí nuôi con chung.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35; khoản 2 điều 227 và điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thanh L và anh Vũ Thế L1 thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 31/01/2001 và cháu Vũ Thanh L2, sinh ngày 17/12/2002 cho anh Vũ Thế L1 trực tiếp nuôi dạy. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng 01 triệu đ/1con/1tháng, hai con là 02 triệu đồng/1tháng, tính từ tháng 8/2017, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị L, anh L1 có quyền thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Chị L, anh L1 không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay và không vay mượn tài sản của ai nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Phạm Thị Thanh L phải nộp 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đ Án phí nuôi con chung, chuyển số tiền tạm ứng án phí ly hôn chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, biên lai số: 0006565 ngày 24/7/2017 thành tiền án phí.

Chị Phạm Thị Thanh L, anh Vũ Thế L1 có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/9/2017.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Việt Hưng**